

# **Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 26 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018
Bà Lê Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	

### TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 1 tháng 2 năm 2018 là Bà Nguyễn Thị Thu Hoài; và từ ngày 2 tháng 2 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Sơn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

  
Nguyễn Việt Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 6 năm 2018



Số tham chiếu: 61422288/20190258-2017-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 29 tháng 6 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



\_\_\_\_\_  
Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

\_\_\_\_\_  
Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>202.683.606.838</b>	<b>184.021.727.630</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>30.752.144.006</b>	<b>26.331.898.463</b>
111	1. Tiền		30.752.144.006	21.831.898.463
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>42.500.000.000</b>	<b>49.500.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		42.500.000.000	49.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>119.568.711.687</b>	<b>98.536.965.209</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	78.148.630.949	70.802.315.559
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	2.539.880.940	555.858.680
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.280.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	47.359.324.852	34.880.879.767
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(16.759.125.054)	(7.702.088.797)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>5.081.700.521</b>	<b>5.375.335.792</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.081.700.521	5.375.335.792
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.781.050.624</b>	<b>4.277.528.166</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.252.580.808	3.845.146.769
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		528.469.816	265.311.527
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	167.069.870
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>65.693.725.762</b>	<b>80.253.220.782</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>32.855.365.196</b>	<b>41.343.901.676</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	5.280.000.000	13.560.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	27.575.365.196	27.783.901.676
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>29.109.520.815</b>	<b>33.811.560.557</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	29.109.520.815	33.811.560.557
222	Nguyên giá		48.432.658.408	48.161.090.458
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.323.137.593)	(14.349.529.901)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>2.013.689.004</b>
258	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	-	2.013.689.004
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.728.839.751</b>	<b>3.084.069.545</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.728.839.751	3.084.069.545
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>268.377.332.600</b>	<b>264.274.948.412</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>199.332.154.669</b>	<b>213.455.966.205</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>102.255.937.399</b>	<b>119.004.939.923</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	40.065.692.116	43.133.535.962
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	2.861.275.728	432.056.706
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.594.356.142	2.688.057.427
314	4. Phải trả người lao động		8.727.323.254	11.396.813.280
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.039.830.914	1.443.027.171
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	6.622.986.662	7.552.792.664
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	29.558.087.420	45.146.396.634
320	8. Vay ngắn hạn	19	1.600.000.000	7.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		186.385.163	212.260.079
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>97.076.217.270</b>	<b>94.451.026.282</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	12.470.391.684	13.097.494.458
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	43.185.825.586	39.933.531.824
338	3. Vay dài hạn	19	41.420.000.000	41.420.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>69.045.177.931</b>	<b>50.818.982.207</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>69.045.177.931</b>	<b>50.818.982.207</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		38.000.000.000	38.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		112.848.254	112.848.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.402.079.128	12.303.928.523
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12.303.928.523	10.122.226.000
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		18.098.150.605	2.181.702.523
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		530.250.549	402.205.430
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>268.377.332.600</b>	<b>264.274.948.412</b>

  
Trần Minh Tâm  
Người lập

  
Lê Thị Hà  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Việt Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 6 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	272.138.855.167	199.169.131.652
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	272.138.855.167	199.169.131.652
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(229.164.917.739)	(178.162.817.723)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.973.937.428	21.006.313.929
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	12.019.589.145	1.990.186.292
22	7. Chi phí tài chính	23	(5.980.939.711)	(2.944.819.439)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(3.291.124.771)	(2.944.819.439)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(2.063.441.172)	(1.428.978.719)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(25.377.192.236)	(26.176.753.983)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		21.571.953.454	(7.554.051.920)
31	11. Thu nhập khác	25	2.661.896.172	11.108.108.289
32	12. Chi phí khác	25	(484.412.746)	(315.067.456)
40	13. Lợi nhuận khác	25	2.177.483.426	10.793.040.833
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.749.436.880	3.238.988.913
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(5.523.241.156)	(1.093.193.073)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		18.226.195.724	2.145.795.840
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		18.098.150.605	2.181.702.523
62	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		128.045.119	(35.906.683)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	4.763	574
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	4.763	574

Trần Minh Tâm  
Người lập biểu

Lê Thị Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		23.749.436.880	3.238.988.913
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình (bao gồm lợi thế thương mại)	11	4.973.607.692	(2.738.802.009)
03	Các khoản dự phòng		9.057.036.257	7.534.353.066
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.372.321)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.504.527.820)	(1.990.186.292)
06	Chi phí lãi vay	24	3.291.124.771	2.944.819.439
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.565.305.459	8.989.173.117
09	Tăng các khoản phải thu		(20.593.976.698)	(30.821.591.060)
10	Giảm hàng tồn kho		293.635.271	5.711.754.751
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(16.020.117.623)	16.006.904.785
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.052.204.245)	1.097.684.886
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.167.500.000)	(18.333.333)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(157.615.054)	(40.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.874.916)	(52.159.999)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(8.158.347.806)	873.433.147
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(271.567.950)	(155.605.349)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(750.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	8.005.745.573
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.233.100.000	-
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		15.688.978	61.274.270
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.977.221.028	9.661.414.494

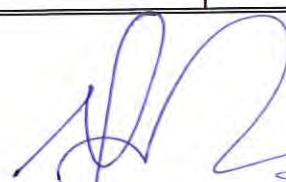


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	262.500.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.400.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(5.400.000.000)	262.500.000
50	Tăng tiền thuần trong năm		4.418.873.222	10.797.347.641
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.331.898.463	15.534.550.822
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.372.321	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	30.752.144.006	26.331.898.463

  
Trần Minh Tâm  
Người lập biểu

  
Lê Thị Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Việt Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 26 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.707 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.300 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỉ lệ lợi ích của công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	99%	99%	Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
2	Công Ty TNHH MTV TNS Trading	100%	100%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE (*)	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ

(\*) Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn để thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One với số vốn điều lệ được đăng ký là 2 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107977327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 8 năm 2017. Hoạt động chính trong năm của công ty này là cung cấp dịch vụ bảo vệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |                                      |   |   |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu                      | - | chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh  |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh. |

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm công việc hoàn thành căn cứ theo chi phí phát sinh thực tế so với chi phí dự kiến hoặc dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.13 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.15 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	4.427.399.381	4.393.498.773
Tiền gửi ngân hàng	26.324.744.625	17.438.399.690
Các khoản tương đương tiền	-	4.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.752.144.006</b>	<b>26.331.898.463</b>

## Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:						
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB) (*)	5.000.000	42.500.000.000	-	5.000.000	42.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán Maritime (MSI) (*)	700.000	7.000.000.000	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.700.000</b>	<b>49.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>42.500.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu năm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này đang chỉ niêm yết trên sàn OTC (phi tập trung).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bán lẻ Thực phẩm và Đồ uống TNC	11.512.698.155	11.179.257.126
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	11.069.787.086	8.702.080.840
Công ty Cổ phần FANNY Việt Nam	11.227.124.011	10.967.410.789
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Trung Phong	7.497.600.000	3.748.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng- Địa ốc Việt Hân	6.136.075.977	-
Công Ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất Động Sản Việt Nam GATEWAY	4.286.707.998	5.280.078.101
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Cao Sơn Hà	-	2.335.858.195
Công ty TNHH CKC	-	1.827.792.444
Phải thu từ khách hàng khác	26.418.637.722	26.761.038.064
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.148.630.949</b>	<b>70.802.315.559</b>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(16.759.125.054)</i>	<i>(7.702.088.797)</i>

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất và Trang trí nội thất Thành Nam	846.532.317	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kiến trúc Home4U	583.893.051	-
Các khoản trả trước khác	1.109.455.572	555.858.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.539.880.940</b>	<b>555.858.680</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Thuận An (**)	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng (*)	7.280.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.280.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Sông Hồng	-	7.280.000.000
Công ty Cổ phần Thuận An (**)	5.280.000.000	6.280.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.280.000.000</b>	<b>13.560.000.000</b>

(\*) Đây là các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất từ 5% đến 8%/ năm, với khoản vay cuối cùng đáo hạn trong tháng 10 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(\*\*) Đây là các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất là 12%/ năm. Trong đó, khoản vay ngắn hạn đáo hạn trong tháng 10 năm 2018 và các khoản vay dài hạn có thời hạn 3 năm với khoản vay cuối cùng đáo hạn trong tháng 3 năm 2020.

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên (i)	30.224.711.804	18.180.912.158
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (ii)	7.150.000.000	7.150.000.000
Tạm ứng cho ông Nguyễn Ngọc Long (iii)	6.802.500.000	-
Phải thu về lãi tiền cho vay	2.795.133.338	1.621.650.002
Tạm ứng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	7.502.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	386.979.710	425.817.607
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.359.324.852</b>	<b>34.880.879.767</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	27.575.365.196	27.783.901.676
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.575.365.196</b>	<b>27.783.901.676</b>

- (i) Trong đó bao gồm khoản tạm ứng cho ông Trần Phi Hạnh, giá trị 26.2 tỷ đồng để đại diện cho Công ty thực hiện đầu tư góp vốn vào các đơn vị thuộc danh mục đầu tư của Công ty theo Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 1 tháng 10 năm 2017. Khoản tạm ứng này đã được hoàn ứng tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.
- (ii) Bao gồm các khoản phải thu về giá trị chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thi công TNS Decor và Công ty TNHH Thẩm định giá TNS Value cho Ông Lê Hồng Quân và Ông Tổng Thành Nguyễn với số tiền lần lượt là 4.150.000.000 đồng và 3.000.000.000 đồng. Theo biên bản xác nhận giữa các bên, các khoản phải thu này sẽ được thanh toán trước ngày 30 tháng 9 năm 2018.
- (iii) Đây là khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Ngọc Long, một cổ đông cũ của Công ty và là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty (đến ngày 14 tháng 6 năm 2017) để đại diện cho Công ty thực hiện đầu tư góp vốn vào các công ty con thuộc danh mục đầu tư của Công ty theo Quyết định 05/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã thu hồi được toàn bộ số dư tạm ứng này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. NỢ XẤU**

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thu hồi của Công ty và các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Bán lẻ Thực phẩm và Đồ uống TNC	11.512.698.155	3.713.941.139	11.179.257.126	7.217.138.534
Công ty Cổ phần Fanny Việt Nam	11.227.124.011	5.970.449.190	10.967.410.789	8.204.674.167
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Trung Phong	7.497.600.000	5.060.880.000	3.748.800.000	3.467.640.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.220.194.755	953.221.538	2.171.069.059	1.474.995.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.457.616.921</u></b>	<b><u>15.698.491.867</u></b>	<b><u>28.066.536.974</u></b>	<b><u>20.364.448.177</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.432.182.242	-	5.067.989.675	-
Công cụ, dụng cụ	648.708.279	-	295.421.117	-
Nguyên liệu, vật liệu	810.000	-	11.925.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.081.700.521</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.375.335.792</u></b>	<b><u>-</u></b>

## Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	42.520.788.334	2.310.120.000	3.330.182.124	48.161.090.458
- Mua trong năm	-	-	271.567.950	271.567.950
Số cuối năm	42.520.788.334	2.310.120.000	3.601.750.074	48.432.658.408
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	11.875.665.746	834.210.000	1.639.654.155	14.349.529.901
- Khấu hao trong năm	3.893.716.760	385.020.000	694.870.932	4.973.607.692
Số cuối năm	15.769.382.506	1.219.230.000	2.334.525.087	19.323.137.593
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	30.645.122.588	1.475.910.000	1.690.527.969	33.811.560.557
Số cuối năm	26.751.405.828	1.090.890.000	1.267.224.987	29.109.520.815

Công ty đã sử dụng một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Công ty Cổ phần Mua bán nợ Phương Đông như được trình bày tại Thuyết minh số 19.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Gốm sứ Thanh Hà (*)	-	-	-	2.013.689.004	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.013.689.004</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property, một công ty con của Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần được đầu tư tại Công ty Cổ phần Gốm sứ Thanh Hà cho một số cá nhân, với tổng giá trị chuyển nhượng là 500 triệu đồng.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>Ngắn hạn</b>				
Chi phí thuê địa điểm	2.806.725.096		3.404.468.166	
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.078.841.301		440.678.603	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	367.014.411		-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.252.580.808</b>		<b>3.845.146.769</b>	
<b>Dài hạn</b>				
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.647.692.174		724.834.701	
Chi phí sửa chữa cải tạo địa điểm cho thuê	400.717.425		1.818.883.647	
Chi phí xây dựng hộp ATM	680.430.152		540.351.197	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.728.839.751</b>		<b>3.084.069.545</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	31.894.337.641	31.894.337.641	34.714.210.847	34.714.210.847
Công Ty Cổ Phần Quản Trị Nguồn Nhân Lực M – TALENT	1.384.190.000	1.384.190.000	1.884.190.000	1.884.190.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Thương Mại 30-4	1.278.900.000	1.278.900.000	1.278.900.000	1.278.900.000
Phải trả đối tượng khác	5.508.264.475	5.508.264.475	5.256.235.115	5.256.235.115
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.065.692.116</u></b>	<b><u>40.065.692.116</u></b>	<b><u>43.133.535.962</u></b>	<b><u>43.133.535.962</u></b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Quảng cáo Xây dựng Địa ốc Việt Hân	1.965.197.758	-	-	-
Phải trả đối tượng khác	896.077.970	-	432.056.706	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.861.275.728</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>432.056.706</u></b>	<b><u>-</u></b>



## Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	Đơn vị tính: VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.453.511.138	13.108.945.467	(12.467.699.774)	2.094.756.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.007.680.381	5.523.241.156	(324.684.924)	6.206.236.613
Các loại thuế và phí khác	226.865.908	1.120.189.375	(1.053.692.585)	293.362.698
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.688.057.427</b>	<b>19.752.375.998</b>	<b>(13.679.007.413)</b>	<b>8.594.356.142</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.069.870	-	(167.069.870)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>167.069.870</b>	<b>-</b>	<b>(167.069.870)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	1.247.911.111	1.286.666.667
Chi phí phải trả khác	2.791.919.803	156.360.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.039.830.914</u></b>	<b><u>1.443.027.171</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	12.470.391.684	13.097.494.458
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.470.391.684</u></b>	<b><u>13.097.494.458</u></b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng và địa điểm kinh doanh	4.820.237.005	5.306.846.938
Doanh thu nhận trước cho thuê trạm đặt ATM	1.802.749.657	2.245.945.726
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.622.986.662</u></b>	<b><u>7.552.792.664</u></b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (*)	26.000.000.000	-
Phải trả tiền mua cổ phiếu	-	42.500.000.000
Tạm giữ phí đào tạo nhân viên	751.491.238	996.278.327
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.806.596.182	1.650.118.307
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.558.087.420</u></b>	<b><u>45.146.396.634</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược (**)	43.185.825.586	39.933.531.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.185.825.586</u></b>	<b><u>39.933.531.824</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**

- (\*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1110/2017/HTKD/ND-NV ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt, một công ty con của Công ty, với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức, công ty này sẽ chuyển cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt 26 tỷ đồng nhằm đảm bảo cho việc giao kết, thực hiện theo các nội dung hợp tác trong hợp đồng. Trong tháng 4 năm 2018, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Nhất Việt đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức và hai bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng này.
- (\*\*) Chủ yếu bao gồm các khoản nhận ký quỹ, ký cược từ các khách hàng thuê văn phòng, ATM của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property, một công ty con của Công ty.

## Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay đối tượng khác (*)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	(5.400.000.000)	1.600.000.000	1.600.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(5.400.000.000)</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay đối tượng khác (**)	41.420.000.000	41.420.000.000	-	-	41.420.000.000	41.420.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.420.000.000</b>	<b>41.420.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.420.000.000</b>	<b>41.420.000.000</b>	

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Nam Hòa	1.600.000.000	Đáo hạn tháng 3 năm 2018. Lãi vay được trả tại thời điểm đáo hạn nợ gốc.	10%/năm	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.600.000.000</b>			

(\*\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn từ đối tượng khác:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Mua bán nợ Phương Đông	41.420.000.000	Gốc vay và lãi vay đáo hạn ngày 30 tháng 8 năm 2020.	7%/năm	Một số tài sản cố định của Công ty Cổ phần TNS Property (Thuyết minh số 11)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.420.000.000</b>			



## Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 *Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	38.000.000.000	-	10.294.498.001	65.844.584	48.360.342.585
- Tăng trong năm	-	-	-	382.423.872	382.423.872
- Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	2.181.702.523	(35.906.683)	2.145.795.840
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	112.848.254	(112.848.254)	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.556.104)	(9.556.104)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(59.423.747)	(600.239)	(60.023.986)
Số cuối năm	38.000.000.000	112.848.254	12.303.928.523	402.205.430	50.818.982.207
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	38.000.000.000	112.848.254	12.303.928.523	402.205.430	50.818.982.207
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	18.098.150.605	128.045.119	18.226.195.724
Số cuối năm	38.000.000.000	112.848.254	30.402.079.128	530.250.549	69.045.177.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.2 Vốn cổ phần đã góp**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hỏa	37.810.000.000	99,5%	37.810.000.000	99,5%
Ông Nguyễn Ngọc Long	-	-	95.000.000	0,25%
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	95.000.000	0,25%	95.000.000	0,25%
Bà Lê Thị Hà	95.000.000	0,25%	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**20.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>38.000.000.000</u>	<u>38.000.000.000</u>

**20.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.800.000</b>	<b>38.000.000.000</b>	<b>3.800.000</b>	<b>38.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>				
Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	38.000.000.000	3.800.000	38.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	38.000.000.000	3.800.000	38.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND (năm 2016: 10.000 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>272.138.855.167</b>	<b>199.169.131.652</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dịch vụ cho thuê văn phòng và địa điểm kinh doanh</i>	93.707.458.134	71.504.724.008
<i>Dịch vụ bảo vệ</i>	83.694.616.031	64.923.092.083
<i>Dịch vụ quản lý tòa nhà văn phòng</i>	36.820.675.435	27.611.884.439
<i>Dịch vụ thi công cải tạo sửa chữa</i>	24.408.632.571	15.561.081.587
<i>Dịch vụ cho thuê và quản lý trạm ATM</i>	14.904.372.801	9.708.182.876
<i>Dịch vụ vệ sinh</i>	6.017.597.461	1.050.194.496
<i>Dịch vụ khác</i>	12.585.502.734	8.809.972.163
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>272.138.855.167</b>	<b>199.169.131.652</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	272.138.855.167	199.169.131.652
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	-	-

**21.2 Doanh thu tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.285.116.824	1.090.186.292
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư (*)	10.733.100.000	900.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.372.321	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.019.589.145</b>	<b>1.990.186.292</b>

(\*) Đây là khoản lãi từ chuyển nhượng 700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần chứng khoán Maritime tại Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt, một công ty con của Công ty.

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dịch vụ cho thuê văn phòng và địa điểm kinh doanh	84.969.197.108	69.488.239.649
Dịch vụ bảo vệ	67.963.423.690	56.118.567.652
Dịch vụ quản lý tòa nhà văn phòng	20.345.008.406	16.237.376.859
Dịch vụ thi công cải tạo sửa chữa	23.658.118.012	15.052.763.408
Dịch vụ cho thuê và quản lý ATM	10.344.291.703	7.199.062.904
Dịch vụ vệ sinh	5.105.265.011	878.267.026
Dịch vụ khác	16.779.613.809	13.188.540.225
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>229.164.917.739</b>	<b>178.162.817.723</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	3.291.124.771	2.944.819.439
Phí tư vấn mua bán cổ phần	1.175.685.070	-
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	1.513.689.004	-
Chi phí tài chính khác	440.866	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.980.939.711</u></b>	<b><u>2.944.819.439</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.468.976.110	861.003.313
Chi phí nhân công	591.484.153	538.989.406
Chi phí bằng tiền khác	2.980.909	28.986.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.063.441.172</u></b>	<b><u>1.428.978.719</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>		
Chi phí nhân công	10.422.629.174	11.318.243.493
Chi phí khấu hao TSCĐ	722.624.374	508.328.835
Thuế, phí, và lệ phí	7.183.000	64.141.226
Chi phí dự phòng	9.057.036.257	5.953.369.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.499.976.866	3.951.649.260
Chi phí khác bằng tiền	2.667.742.565	4.381.022.109
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.377.192.236</u></b>	<b><u>26.176.753.983</u></b>

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ lãi vay được miễn giảm	2.661.896.172	11.108.108.289
Thu nhập từ tiền bồi thường, tiền phạt hợp đồng	2.112.921.301	5.098.341.500
Lãi từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	438.552.000	-
Thu nhập khác	-	5.932.463.361
	110.422.871	77.303.428
<b>Chi phí khác</b>	<b>484.412.746</b>	<b>315.067.456</b>
Các khoản phạt	405.734.295	174.354.464
Chi phí khác	78.678.451	140.712.992
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>2.177.483.426</u></b>	<b><u>10.793.040.833</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	4.004.146.554	3.428.362.866
Chi phí nhân công	98.899.017.231	84.996.624.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.973.607.692	3.193.661.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.471.226.541	107.876.224.175
Chi phí khác	16.621.745.696	4.698.238.206
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>255.969.743.714</u></b>	<b><u>204.193.111.305</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.523.241.156	1.093.193.073
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.523.241.156</u></b>	<b><u>1.093.193.073</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận thuần kế toán trước thuế</b>	<b>23.749.436.880</b>	<b>3.238.988.913</b>
<i>Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty và các công ty con</i>	4.749.887.376	647.797.783
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Ảnh hưởng của các điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	18.000.000	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	770.677.934	986.921.233
Lỗi tại công ty con	-	665.871.029
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Ảnh hưởng của các điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	-	(1.186.492.670)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	(4.572.539)
Lỗi năm trước chuyển sang	(15.324.154)	(16.331.763)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>5.523.241.156</u></b>	<b><u>1.093.193.073</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 737.590.946 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 814.211.721 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (i)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2017</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017</i>
2015	2020	895.870.538	(158.279.592)	-	737.590.946
<b>Tổng cộng</b>		<b>895.870.538</b>	<b>(158.279.592)</b>	<b>-</b>	<b>737.590.946</b>

(i) Các khoản lỗ tính thuế nêu trên là số liệu ước tính trên tờ khai thuế TNDN của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế từ các hoạt động này trong tương lai.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Ngọc Long (*)	Cổ đông	Hoàn ứng	-	6.427.500.000

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Hàng hóa/ dịch vụ giao dịch với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không tính lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (năm 2016: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên có liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Ông Nguyễn Ngọc Long (*)	Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	-	7.502.500.000
			<u>-</u>	<u>7.502.500.000</u>

(\*) Ông Nguyễn Ngọc Long không còn là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2017, và theo đó không phải là bên liên quan của Công ty từ ngày này.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	-	357.638.760
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>-</u>	<u>357.638.760</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>18.098.150.605</b>	<b>2.181.702.523</b>
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Lãi vay trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>18.098.150.605</b>	<b>2.181.702.523</b>
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (không bao gồm cổ phiếu quỹ) điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.800.000</b>	<b>3.800.000</b>
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>		
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>3.800.000</b>	<b>3.800.000</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.763	574
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.763	574

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:



# Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Hoạt động cho thuê văn phòng và địa điểm kinh doanh	Hoạt động cho thuê và quản lý trạm ATM	Hoạt động quản lý tòa nhà văn phòng	Hoạt động thi công, cải tạo sửa chữa	Hoạt động bảo vệ	Hoạt động cung cấp dịch vụ vệ sinh	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày										
Doanh thu										
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	93.707.458.134	14.904.372.801	36.820.675.435	24.408.632.571	83.694.616.031	6.017.597.461	12.585.502.734	-	272.138.855.167	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	4.814.264.570	3.385.084.692	-	(8.199.349.262)	-	
Tổng doanh thu	93.707.458.134	14.904.372.801	36.820.675.435	24.408.632.571	88.508.880.601	9.402.682.153	12.585.502.734	(8.199.349.262)	272.138.855.167	
Kết quả										
Lợi nhuận gộp của bộ phận	8.738.261.026	4.560.081.098	16.475.667.029	750.514.559	15.731.192.341	912.332.450	(4.194.111.075)	-	42.973.937.428	
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ									(19.224.500.548)	
Lợi nhuận thuần trước thuế									23.749.436.880	
Chi phí thuế TNDN									(5.523.241.156)	
Lợi nhuận thuần sau thuế									18.226.195.724	
Các thông tin bộ phận khác										
Tài sản bộ phận	38.649.509.844	12.309.512.074	13.736.241.421	20.751.383.205	74.590.667.475	7.410.938.236	34.354.439.265	-	201.802.691.519	
Tài sản không phân bổ									66.574.641.081	
Tổng tài sản									268.377.332.600	
Nợ phải trả bộ phận	72.483.089.104	8.309.009.775	528.730.077	2.308.342.335	46.937.899.411	1.968.385.416	560.231.345	-	133.095.687.463	
Nợ phải trả không phân bổ									66.236.467.206	
Tổng nợ phải trả									199.332.154.669	

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Hoạt động cho thuê văn phòng và địa điểm kinh doanh	Hoạt động cho thuê và quản lý trạm ATM	Hoạt động quản lý tòa nhà văn phòng	Hoạt động thi công, cải tạo sửa chữa	Hoạt động bảo vệ	Hoạt động cung cấp dịch vụ vệ sinh	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày										
Doanh thu	71.504.724.008	9.708.182.876	27.611.884.439	15.561.081.587	64.923.092.083	1.050.194.496	8.809.972.163	-	199.169.131.652	
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài										
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	71.504.724.008	9.708.182.876	27.611.884.439	15.561.081.587	5.162.023.591	2.945.473.432	8.809.972.163	(8.107.497.023)	199.169.131.652	
Tổng doanh thu					70.085.115.674	3.995.667.928				
Kết quả										
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.016.484.359	2.509.119.972	11.374.507.580	508.318.179	8.804.524.431	171.927.470	(4.378.568.063)	-	21.006.313.929	
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ									(17.767.325.016)	
Lợi nhuận thuần trước thuế									3.238.988.913	
Chi phí thuế TNDN									(1.093.193.073)	
Lợi nhuận thuần sau thuế									2.145.795.840	
Các thông tin bộ phận khác										
Tài sản bộ phận	39.210.663.511	10.392.608.809	10.842.013.326	22.547.836.316	77.424.445.337	5.451.906.391	38.439.042.911		204.308.516.601	
Tài sản không phân bổ									59.966.431.811	
Tổng tài sản									264.274.948.412	
Nợ phải trả bộ phận	75.679.999.176	7.847.200.246	529.658.909	1.855.417.256	64.978.295.507	760.000.443	246.702.674		151.897.274.211	
Nợ phải trả không phân bổ									61.558.691.994	
Tổng nợ phải trả									213.455.966.205	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty và các công ty con đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	115.361.715.213	94.770.632.139
Từ 1 đến 5 năm	97.721.481.513	206.840.589.172
Hơn 5 năm	70.570.580	529.916.305
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>213.153.767.306</u></b>	<b><u>302.141.137.616</u></b>

***Cam kết đi thuê hoạt động***


Công ty và các công ty con đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dưới 1 năm	91.085.215.737	91.671.313.503
Từ 1 đến 5 năm	72.517.952.897	162.763.168.634
Hơn 5 năm	700.000.000	1.540.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>164.303.168.634</u></b>	<b><u>255.974.482.137</u></b>


**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Tại ngày 14 tháng 5 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 49% vốn góp tại Công ty TNHH MTV TNS Trading cho các cá nhân, với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.450.000.000 đồng và Công ty TNHH MTV TNS Trading đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Thương Mại Tntrading kể từ ngày này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

  
 Trần Minh Tâm  
 Người lập biểu

  
 Lê Thị Hà  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Việt Sơn  
 Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 6 năm 2018